

Số: 18 /2016/NQ-HĐND

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức thu học phí năm học 2016-2017**

**đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông  
và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2380/TTr-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất về mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

**1. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh*

<b>Trường học, cơ sở giáo dục</b>	<b>Vùng thành thị</b> (phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	<b>Vùng nông thôn</b>
<b>1. Nhà trẻ:</b>	105	63
<b>2. Mẫu giáo buổi:</b>	<b>60</b>	<b>30</b>
<b>3. Mẫu giáo bán trú:</b>		
- Lớp mầm	137	79
- Lớp chồi	116	68
- Lớp lá	95	58
<b>4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày</b>	79	42
<b>5. Trung học cơ sở:</b>	<b>60</b>	<b>30</b>
<b>6. Trung học phổ thông:</b>	63	32
<b>7. Giáo dục thường xuyên:</b>		
- Hệ THCS	<b>60</b>	<b>30</b>
- Hệ THPT	63	32

**2. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 30.000 đồng/tháng/học sinh.**

**3. Đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở công lập chưa tự chủ đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư**

*Đơn vị tính: 1.000đồng/tháng/học sinh*

<b>Nhóm ngành</b>	<b>TC</b>	<b>CD</b>
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	<b>300</b>	<b>350</b>
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	<b>340</b>	<b>380</b>
3. Y dược	<b>380</b>	

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2016./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu, UBTVQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



